

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ UÔNG BÍ  
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2021/HNGĐ-ST  
Ngày: 05/3/2021  
*V/v Ly hôn và tranh chấp về nuôi  
con khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ, TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Nam.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Dung;
2. Ông Thái Quang Định.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Phùng Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Phương Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 3 năm 2021, tại Phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh xét xử công khai sơ thẩm vụ án thụ lý số: 319/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 11 năm 2020 về: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 01 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2021/QĐST-HNGĐ ngày 05 tháng 02 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Mạc Duy T, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Tổ 16A, khu 15A, phường Quang T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, có mặt tại phiên tòa.

2. *Bị đơn:* Chị Lê Thị N, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Tổ 16A, khu 5A, phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa phiên tòa, nguyên đơn anh Mạc Duy T trình bày có nội dung:*

*Về tình trạng hôn nhân:* Tôi (Mạc Duy T) và chị Lê Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Q, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 30/11/1990. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại tổ 16A, khu 5A, phường Q, U, cuộc sống hạnh phúc đến năm 2018 thì bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng không hợp tính, bất đồng quan

điểm trong việc quản lý kinh tế gia đình dẫn đến đánh, chửi nhau. Sau khi mâu thuẫn căng thẳng, vợ chồng đã được gia đình hòa giải tìm mọi biện pháp nhằm khắc phục mâu thuẫn, nhưng đều không có kết quả. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn, nếu hôn nhân tiếp tục duy trì, không đem lại hạnh phúc cho nhau. Vì vậy, tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn chị Lê Thị N.

*Về con chung:* Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng tôi có hai con chung là Mạc Duy T, sinh ngày 25/12/1991 đã thành niên không yêu cầu Tòa án giải quyết, còn con chung Mạc Thị Nguyệt A, sinh ngày 26/4/2003 hiện ở với tôi nên tôi yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con chung, vì tôi có công việc và thu nhập ổn định bảo đảm việc nuôi dưỡng và chăm sóc con.

*Về tài sản chung:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Lê Thị N đều không có mặt tham gia tố tụng, mặc dù đã nhận được Thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa của Tòa án hợp lệ.

Cháu Mạc Thị Nguyệt A, sinh ngày 26/4/2003 có nguyện vọng ở với bố, nếu bố mẹ ly hôn.

Tại biên bản xác minh ngày 04/01/2021 về việc nhận các văn bản tố tụng, ông Lê Văn L và bà Phạm Thị C là bố mẹ đẻ của chị N xác nhận, đã nhận được các văn bản tố tụng của Tòa án và thông báo toàn bộ các văn bản của Tòa án cho chị N, chị N đã biết nội dung yêu cầu xin ly hôn của anh T.

Tại biên bản xác minh ngày 04/01/2021 khu trưởng khu 5A, phường Q xác nhận hiện chị N ít khi về nhà.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Về trình tự thủ tục tố tụng: Đối với Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ các trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng, có nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng, còn bị đơn vắng mặt là chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Mạc Duy T, giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mạc Thị Nguyệt A, sinh ngày 26/4/2003, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí nhận định:

[2]. *Về trình tự thủ tục tố tụng:*

Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí thụ lý và giải quyết vụ án về ly hôn và tranh chấp về nuôi con khi ly hôn số: 319/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/11/2020, giữa nguyên đơn anh Mạc Duy T với bị đơn chị Lê Thị N có nơi cư trú tại thành

phố U là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chị Lê Thị N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Cho nên, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. *Về hôn nhân:*

Quan hệ hôn nhân giữa anh Mạc Duy T và chị Lê Thị N trên cơ sở tự nguyện, được đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Quang T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh vào ngày 30/11/1990 là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị N căng thẳng từ năm 2018 đến nay không ai còn quan tâm, dành tình cảm cho nhau. Gia đình anh T và chính quyền địa phương nơi cư trú đều xác nhận mâu thuẫn vợ chồng anh T và chị N đã kéo dài. Trong quá trình giải quyết vụ án chị N không có mặt để tham gia các phiên hòa giải do Tòa án tiến hành, mặc dù đều nhận được các Thông báo của Tòa án, chứng tỏ chị N cũng không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, xác định mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị N đã đến mức trầm trọng không thể khắc phục được, nếu tiếp tục duy trì, sẽ không mang lại hạnh phúc cho nhau. Cho nên, chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4]. *Về nuôi dưỡng con chung:*

Trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng còn có con chung Mạc Thị Nguyệt A, sinh ngày 26/4/2003, hiện đang ở với anh T, cháu có nguyện vọng được ở với bố. Để ổn định và đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung chưa thành niên cũng như điều kiện nuôi dưỡng của các bên nên giao cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mạc Thị Nguyệt A cho đến khi thành niên, chị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung hàng tháng là phù hợp theo quy định tại các Điều 58; 81; 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

Đối với con chung là Mạc Duy T, sinh ngày 25/12/1991 đã thành niên và phát triển bình thường nên không đề cập giải quyết.

[5]. *Về án phí:*

Anh Mạc Duy T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn, nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14.

[6]. *Về quyền kháng cáo:*

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

*Vì các lẽ trên,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều

228; Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 17 Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**1. Về hôn nhân:**

Cho anh Mạc Duy T ly hôn chị Lê Thị N.

**2. Về nuôi dưỡng con chung:**

2.1. Giao cho anh Mạc Duy T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Mạc Thị Nguyệt A, sinh ngày 26/4/2003, kể từ tháng 03/2021 cho đến khi thành niên (Đủ 18 tuổi).

2.2. Chị Lê Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

2.3. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom của người đó. Các đương sự có quyền đề nghị thay đổi người trực tiếp nuôi con chung, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

**3. Về án phí:**

Anh Mạc Duy T phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0003613 ngày 13/11/2020 của Chi Cục thi hành án dân sự thành phố Uông Bí.

**4. Về quyền kháng cáo:**

Anh Mạc Duy T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Chị Lê Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án.

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Uông Bí;
- Chi cục THADS thành phố Uông Bí;
- UBND phường Q (Nơi đăng ký kết hôn);
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Quốc Nam**